

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 31/5/2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Ngọc Hoàng
2. Ông Lê Đình Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Bà Trần Thị Dương – Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 25/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 11, ngày 10/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Quách Thị T, sinh năm: 1985

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện C, Thanh Hóa – Có mặt

Bị đơn: Anh Trương Công K, sinh năm 1985

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện C, Thanh Hóa – vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Quách Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Quách Thị T và anh Trương Công K lấy nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Hai bên lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K có người phụ nữ bên ngoài. Từ đó tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã nhau. Giữa chị T và anh K đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn, để vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng không được. Từ tháng 11/2021 chị T đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm

vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh K.

- Về con chung: Chị T trình bày chị và anh K có 3 con chung là Trương Khánh B, sinh ngày 20/8/2009; Trương Ngọc Anh T, sinh ngày: 02/9/2015; Trương Zi Đ, sinh ngày: 10/12/2018. Cháu Khánh B đã lớn, cháu có nguyện vọng ở với mẹ. cháu Anh Thư và cháu Zi Đan còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ. Bản thân chị làm nghề kinh doanh tự do nên cũng có đủ điều kiện về thời gian và kinh tế để lo cho các con. Do đó, chị đề nghị được nuôi cả 3 con. Quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu anh K phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung nữa và xin rút lại phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Trương Công K: Quá trình giải quyết vụ án anh Trương Công K trình bày: Về hôn nhân, anh nhất trí với ý kiến trình bày của chị Quách Thị T. Tuy nhiên, sau khi chị T phát hiện ra chuyện tình cảm bên ngoài của anh, anh đã chấm dứt với người phụ nữ kia, đến nay không còn quan hệ gì. Nhưng sau đó anh cũng phát hiện chị T có bạn trai bên ngoài, anh không bắt được quả tang, chỉ là nghe nói, nhưng anh vẫn bỏ qua, vì không muốn vợ chồng ly hôn, con cái khổ. Nay chị T làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn, anh K không đồng ý.

- Về con chung: Anh K thống nhất vợ chồng có 3 con chung là Trương Khánh B, sinh ngày 20/8/2009; Trương Ngọc Anh T, sinh ngày: 02/9/2015; Trương Zi Đ, sinh ngày: 10/12/2018. Nếu phải ly hôn, anh K đồng ý giao cả 3 con cho chị T nuôi dưỡng.

- Về tài sản, công nợ: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147 điều 271 và điều 273; khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật TTDS. Căn cứ vào các điều 51; điều 56; điều 81; điều 82; điều 83 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị xử cho chị T được ly hôn anh K. Đề nghị giao 3 con cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Buộc chị T phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Quách Thị T làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Trương Công K có hộ khẩu thường trú tại: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về Hôn nhân: Chị T và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, Thanh Hóa, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Quá trình chung sống giữa chị T và anh K phát sinh mâu kéo dài, không thể cải thiện được. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trương Công K không đồng ý ly hôn, nhưng không có thiện chí hợp tác, không đến tham gia phiên hòa giải lần 2, không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ hay biện pháp gì để cải thiện đời sống chung của vợ chồng, hiện nay vợ chồng vẫn sống ly thân nhau. Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị được giải quyết ly hôn, vì vậy cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho chị Quách Thị T được ly hôn anh Trương Công K là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị T và anh K thống nhất vợ chồng có 3 con chung là Trương Khánh B, sinh ngày 20/8/2009; Trương Ngọc Anh T, sinh ngày: 02/9/2015; Trương Zi Đ, sinh ngày: 10/12/2018. Cháu Khánh B có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị T có nguyện vọng được nuôi cả 3 con, anh K không có nguyện vọng nuôi con và đồng ý giao 3 con cho chị T nuôi dưỡng. Xét điều kiện nuôi dưỡng và nguyện vọng của các bên, căn cứ và quyền lợi của các con, nên chấp nhận sự thỏa thuận của chị T và anh K về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu Trương Khánh B, Trương Ngọc Anh T, Trương Zi Đ cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản, công nợ: Chị T, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228; điều 271; điều 273

Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Quách Thị T. Xử cho chị T được ly hôn anh K.

Về con chung: Giao cháu Trương Khánh B, sinh ngày 20/8/2009; Trương Ngọc Anh T, sinh ngày: 02/9/2015; Trương Zi Đ, sinh ngày: 10/12/2018 cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh K có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí DSST, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010303, ngày 23/02/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Về quyền kháng cáo: Chị Quách Thị T, anh Trương Công K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa
- Chi cục THADS H.C;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Dung